

Bản án số: 03/2025/DS - PT

Ngày 15-01- 2025

Về “*Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu
và giải quyết hậu quả của giao dịch dân
sự vô hiệu*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLPT- DS ngày 03/10/2024 về “*Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1851/2024/QĐ-PT ngày 07/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2055/2024/QĐ-PT ngày 25/11/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3019/2024/QĐ-PT ngày 25/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang D.

Địa chỉ: Tổ 19, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang D: Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Tổ 05, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Trí D và Bà Đặng Thu H.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thu H: Ông Bùi Trí D. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Kim S; Địa chỉ: Tổ 19, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người làm chứng: Trường THPT chuyên tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Đường Phan Kế Bính, tổ 19, phố Châu Úy, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thanh X; Hiệu trưởng. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Quang D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D, trình bày:

Ngày 22/7/2022 ông Nguyễn Quang D và vợ là bà Hoàng Thị S cùng với ông Bùi Trí D và vợ là bà Đặng Thu H đã ký Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống số 51/HĐ ngày 30/11/2021 (Viết tắt là Hợp đồng 51). Giấy chuyển nhượng được lập thành văn bản, hai bên cùng ký, nội dung của Giấy chuyển nhượng, ông D1 giao toàn quyền kinh doanh và sử dụng căng tin bếp ăn Trường chuyên cho ông D như Hợp đồng trên. Tài sản của ông D1 đã đầu tư bàn giao lại cho ông D là 250.000.000 đồng và tiền ông D1 ứng trước là: Tháng 9,10,11,12 năm 2022 và tháng 01/2023 là 05 tháng x 7.166.000 = 35.830.000 đồng.

Tổng cộng là: 250.000.000 đồng + 35.830.000 đồng = 285.830.000 đồng.

Bên ông D hoàn lại cho ông D1.

* Trách nhiệm bên ông D: Làm đúng quy định của Hợp đồng.

* Trách nhiệm bên ông D1 hợp hành đấu tranh quyền lợi và danh nghĩa vẫn lấy bếp căng tin Dũng Hà.

Sau khi ký Giấy chuyển nhượng, ông D, bà S đã thanh toán cho ông D1, bà H 285.000.000 đồng còn thiếu 830.000 đồng.

Ngày 02/10/2023, ông D1 đã tự ý thanh lý Hợp đồng với Trường chuyên, không bàn bạc gì với ông D, ôÔng D chỉ nhận được bản phô tô thanh lý Hợp đồng do ông Đại, Hiệu phó của Trường chuyên đưa, đồng thời, yêu cầu ông D dừng kinh doanh, phải di chuyển toàn bộ tài sản mà ông D1 đã đầu tư để trả lại mặt bằng cho Trường chuyên.

Nay, ông D bà S yêu cầu:

Tuyên bố Giấy chuyển nhượng ngày 22/7/2022 giữa ông D1, bà H và ông D, bà S là vô hiệu.

Buộc ông D1, bà H phải hoàn trả cho ông số tiền 109.200.000 đồng tương đương với 02 năm quyền kinh doanh còn lại (2023 - 2025).

Bà S nhất trí với ý kiến của ông D và bà Diệu.

Bị đơn ông Bùi Trí D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thu H, trình bày:

Ngày 30/11/2021 Tôi có ký Hợp đồng 51 giữa: Bên A là Trường chuyên do ông Ngô Thanh X - Phó hiệu trưởng làm đại diện; Bên B ông Bùi Trí D làm

đại diện. Nội dung Hợp đồng là thuê mặt bằng kinh doanh cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ cho học sinh ở nội trú, học sinh nghỉ trưa tại Trường chuyên, thời hạn Hợp đồng từ ngày 15/12/2021 đến ngày 01/12/2026, các loại phí phải nộp: Tiền thuê địa điểm là 7.166.666 đồng/tháng/ 03 năm học đầu (*từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023 -2024*); Làm tròn là 7.166.600 đồng; Từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026, tiền thuê địa điểm là 7.883.333 đồng/tháng làm tròn số là 7.883.300 đồng (mỗi năm học tính 09 tháng).

Sau khi ký Hợp đồng 51, tôi đã kinh doanh do điều kiện về sức khỏe nên tôi không kinh doanh được nữa. Ngày 22/7/2022 tôi ký Giấy chuyển nhượng cho ông D, bà S toàn bộ cơ sở vật chất, đồ nghề, dụng cụ, công sửa chữa bếp, vật tư số tiền là 250.000.000 đồng và tiền thuê mặt bằng tôi đã ứng trước cho Trường gồm tháng 9,10,11,12/2022 và tháng 01/2023 tổng số tiền là 35.830.000 đồng. Như vậy số tiền ông D phải trả cho tôi là 285.830.000 đồng đến nay ông D đã trả cho tôi 285.000.000 đồng hiện còn thiếu 830.000 đồng, về trách nhiệm pháp lý thì tôi vẫn chịu trách nhiệm với Trường chuyên.

Tôi đã bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất cho ông D, bà S để kinh doanh, trong quá trình kinh doanh từ tháng 9/2022 đến 02/10/2023 ông D, bà S không thực hiện đúng như cam kết trong Hợp đồng, cụ thể là như sau: Ông D, bà S không trực tiếp làm, gỡ bỏ toàn bộ Lô gỗ của cơ sở D, H thay vào biển bếp H; Toàn bộ nhân viên ông D không ký Hợp đồng lao động với cơ sở của tôi; Không có Giấy khám sức khỏe để đủ điều kiện lao động, ông D đã vi phạm và bị nhắc nhở.

Ngày 29/01/2022 tôi cùng đoàn kiểm tra của Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm của tỉnh, y tế của Trường chuyên kiểm tra các mặt hàng của ông D kinh doanh, đã phát hiện ông D đã bán các mặt hàng không rõ nguồn gốc và hết thời hạn sử dụng nên đã bị Đoàn kiểm tra tiêu hủy. Tôi đã nhắc nhở và có ý kiến lấy lại Căn tin nhưng ông D cam kết sẽ trực tiếp sản xuất, chế biến theo đúng Hợp đồng, tuy nhiên ông D không thực hiện như cam kết nên đã bị xử phạt hành chính 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Quyết định số 100/QĐ-XPHC ngày 31/10/2022 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử phạt hành chính đối với ông Bùi Trí D, số tiền là 4.000.000 đồng về hành vi vi phạm “*Không thực hiện quy định của pháp luật về lưu mẫu thức ăn*” (lúc này là ông D trực tiếp kinh doanh).

Lần 2: Quyết định số 47/QĐ - XPHC ngày 04/04/2023 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử phạt hành chính đối với ông D1, số tiền là 4.000.000 đồng về hành vi vi phạm “*Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về chế độ kiểm thực 3 bước*” (lúc này là ông D trực tiếp kinh doanh).

Vì các lý do trên nên ngày 02/10/2023 tôi đã ký biên bản thanh lý Hợp đồng số 20/TKHĐ-2023 với Trường chuyên.

Đến nay ông D, bà S yêu cầu tôi phải hoàn trả số tiền 109.200.000 đồng tôi không nhất trí.

Theo bản tự khai của Trường chuyên:

Ngày 30/11/2021 Trường chuyên đã ký Hợp đồng 51 với hộ kinh doanh ông Bùi Trí D, thời hạn Hợp đồng từ 15/12/2021 đến tháng 01/12/2026. Trong thời gian từ 15/12/2021 đến hết ngày 31/5/2022 ông D1 đã đảm bảo cung cấp dịch vụ ăn uống cho học sinh tại Trường chuyên đúng theo nội dung của Hợp đồng.

Ngày 22/7/2022, ông D1, bà H, tự chuyển giao Hợp đồng trên cho ông D, bà S đây là sự thoả thuận giữa (ông D1, bà H và ông D, bà S) Trường chuyên không được biết. Tuy nhiên trước khi ký kết Hợp đồng 51 với ông D1, Trường chuyên đã có văn bản số 73/TB-THPT ngày 28/10/2021 thông báo về bước giá và điều kiện hồ sơ năng lực tham gia đấu giá tài sản cho thuê bếp ăn tại Trường chuyên, tại mục 2.4.18. của thông báo ghi “*Bên trúng thầu cam kết không được chuyển nhượng cho bên thứ 3 thực hiện dịch vụ trên*” gửi tới các bên tham gia đấu giá (trong đó có ông D1). Ngày 18/11/2021 ông D1 đã cam kết và thực hiện đúng, đầy đủ với Trường chuyên 19 nội dung, trong đó tại mục 18 của bản cam kết có ghi “*Cam kết không được chuyển nhượng hoặc thuê bên thứ 3 thực hiện dịch vụ trên*”.

Trong thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 02/10/2023 ông D1 cung cấp dịch vụ ăn uống đã 02 lần vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm và bị Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử phạt hành chính.

Trường chuyên nhận thấy ông D1 không trực tiếp nấu ăn tại Trường chuyên (lúc này đang thực hiện là cơ sở ông D) mặc dù ông D1 vẫn chịu trách nhiệm trước Trường chuyên về tính pháp lý của Hợp đồng. Trường chuyên đã mời ông D1 đến làm việc và trao đổi về việc thanh lý Hợp đồng do ông D1 không đủ nhân lực và sức khỏe. Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng ngày 02/10/2023. Sau khi thanh lý Hợp đồng, Trường chuyên đã dừng dịch vụ cung cấp Bếp ăn của ông D1 và đấu thầu chọn nhà cung cấp dịch vụ mới theo qui định. Nay ông D, bà S yêu cầu ông D1, bà H hoàn lại số tiền 109.200.000 đồng. Quan điểm của Trường chuyên đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385; khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà S. Ông D1, bà H không phải trả cho ông D, bà S số tiền 109.200.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/9/2024, ông D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông D1, bà H liên đới trả cho ông D số tiền 80.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148, khoản 2 Điều 296 BLTTDS; Điều 122, 131, 288 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L:

1. Tuyên bố Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51: Giữa ông D và ông D1 bà H là vô hiệu.

2. Buộc ông D1 bà H phải liên đới hoàn trả cho ông D, bà S số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng chẵn*). Phần cụ thể của ông D1, bà H mỗi người phải trả cho ông D là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết số tiền 29.200.000 đồng (*Hai chín triệu hai trăm ngàn đồng*). Tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông D, có đầy đủ nội dung và nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật của vụ án:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông D yêu cầu Tòa án tuyên bố Giấy chuyển nhượng, quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa: Ông D, bà S với ông D1, bà H ký ngày 22/7/2022 là vô hiệu. Buộc ông D1, bà H hoàn trả số tiền 109.200.000 đồng tương đương với 02 năm quyền kinh doanh (2023 - 2025).

Như vậy xác định mối quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu*”. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định mối quan hệ vụ án là “*Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*” là thiếu sót. Xét thấy việc thiếu sót trong xác định mối quan hệ pháp luật không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về phần này, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của ông D là bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông D1, bà H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu đề nghị Toà tuyên bố Giấy chuyển nhượng, quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa: Ông D và ông D1, bà H đã ký ngày 22/7/2022 là vô hiệu. Buộc ông D1, bà H hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng tương đương với 02 năm quyền kinh doanh (2023 - 2025).

[4.1] Xét tính hợp pháp của Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa ông D và ông D1, bà H đã ký ngày 22/7/2022.

Về hình thức, chủ thể giao dịch:

Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa ông D và ông D1, bà H ký ngày 22/7/2022 được lập thành văn bản, giữa các chủ thể bao gồm Bên A (bên chuyển nhượng): Ông D1, bà H với Bên B (bên nhận chuyển nhượng) là: ông D, bà S. Mặc dù trong Giấy chuyển nhượng thể hiện bên B là ông D, bà S nhưng chỉ có ông D ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận có thỏa thuận và ký Giấy chuyển nhượng, việc xác lập giao dịch là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc

Về nội dung của giao dịch: Ngày 30/11/2021 Trường chuyên và ông Dũng ký Hợp đồng 51 thông qua hình thức đấu thầu, thời hạn của Hợp đồng từ ngày 15/12/2021 đến ngày 01/12/2026, với giá trúng thầu là 322.500.000 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng (tại mục 3 điều II) nêu ông D1 có trách nhiệm nộp tiền thuê địa điểm 7.166.666đ/tháng/03 năm học đầu (từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024). Từ năm học 2024-2025 tiền thuê địa điểm là 7.883.333đ/tháng. Ngày 22/7/2022 ông D1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51 cho ông D. Trong Giấy chuyển nhượng ngày 22/7/2022 thể hiện: Ông D1 giao toàn quyền kinh doanh và sử dụng căng tin bếp ăn Trường chuyên cho ông D. Tài sản của ông D1 đã đầu tư là 250.000.000 đồng được bàn giao lại cho ông D. Số tiền ông D1 thuê địa điểm ông D1 đã trả trước 05 tháng là 35.830.000 đồng. Cộng hai khoản là 285.830.000 đồng, ông D đã trả đủ cho ông D1. Tuy nhiên dù chưa hết thời hạn theo Hợp đồng số 51, ngày 29/9/2023 ông D1 tự ý xin chấm dứt Hợp đồng với Trường chuyên, không thông báo cho ông D biết. Ngày 02/10/2023 ông D1 và Trường chuyên đã thanh lý Hợp đồng 51.

Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bản cam kết ngày 18/11/2021 (bút lục số 117-118), hộ kinh doanh ông D1 cam kết thực hiện đúng và đầy đủ với Trường chuyên 19 nội dung, trong đó tại mục 18 của bản cam kết có nội dung “*không được chuyển nhượng hoặc thuê bên thứ ba thực hiện hợp đồng*”. Như vậy việc ông D1, bà H tự ý thỏa thuận chuyển giao toàn quyền kinh doanh và sử dụng căng tin bếp ăn Trường chuyên cho ông D là vi phạm bản cam kết ngày 18/11/2021 giữa ông D1 với Trường chuyên như vậy Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa bên chuyển nhượng ông D1, bà H với bên nhận chuyển nhượng ông D, bà S là vô hiệu.

[4.2] Về hậu quả pháp lý:

Ông D yêu cầu ông D1, bà H phải hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng tương đương với 02 năm quyền kinh doanh (2023 - 2025), Hội đồng xét xử nhận thấy: Như phân tích tại mục [4.1] có cơ sở xác định Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng 51 giữa bên chuyển nhượng ông D, bà H và bên nhận chuyển nhượng ông D, bà S là vô hiệu, do đó các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông D xác định trong tổng số tiền 285.000.000đ, ông D đã chuyển cho ông D1 bà H là gồm có 35.000.000đ tiền ông D1 trả trước 05 tháng tiền thuê địa điểm cho Trường chuyên và 250.000.000đ bao gồm 86.000.000đ là giá trị tài sản ông D1 bàn giao cho ông D và 164.000.000đ là tiền mua lại quyền kinh doanh Hợp đồng 51 của ông D1, tương đương 54.600.000đ/năm. Ông D thực hiện Hợp đồng được 01 năm.

Đến nay ông D chỉ yêu cầu ông D1, bà H hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng tương đương với 02 năm quyền kinh doanh (2023 - 2025).

Xét thấy việc ông D yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận buộc ông D1, bà H phải liên đới hoàn trả cho ông D, bà S 80.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị định giá tài sản, Tòa án đã tiến hành định giá tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo kết quả định giá ngày 06/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản, xác định giá trị toàn bộ số tài sản còn mới theo giá thị trường là 112.170.000đ.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.200.000 đồng, xét thấy việc rút yêu cầu của ông D là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với số tiền 29.200.000đ.

Đối với số tài sản đã tháo dỡ tại Trường chuyên (theo biên bản định giá ngày 06/01/2025) hiện nay ông D đang quản lý cần giao cho ông D sử dụng là phù hợp, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện theo yêu cầu khởi kiện của ông D dẫn đến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là chưa giải quyết dứt điểm vụ án. Do đó kháng cáo của ông D là có căn cứ, nên cần sửa bản án sơ thẩm như phân tích ở trên.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí định giá tài sản là 5.200.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí định giá nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự:

Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quang D không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí sơ thẩm:

Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông D1 và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 122, 131, 288 Bộ luật dân sự 2015.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang D:

- Tuyên bố Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống số 51/HĐ ngày 30/11/2021 giữa ông Bùi Trí D, bà Đặng Thu H và ông Nguyễn Quang D, bà Hoàng Thị Kim S ký ngày 22/7/2022 là vô hiệu.

- Buộc Buộc ông Bùi Trí D bà Đặng Thu H phải liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Quang D, bà Hoàng Thị Kim S số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

- Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 29.200.000đ (*Hai chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Quang D tự nguyện chịu cả số tiền chi phí định giá tài sản là 5.200.000 đồng, xác nhận ông Nguyễn Quang D đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quang D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.730.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000489 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai (Do bà Nguyễn Thị D nộp thay).

Ông Bùi Trí D và bà Đặng Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 4.000.000 (*Bốn triệu đồng chẵn*) đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quang D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000748 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện